

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-26
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9/6/2014
Ông Vũ Thế Long	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 9/6/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Bảo Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 5, giá trị ghi sổ của các chứng khoán chưa niêm yết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 14.566.500.000 đồng. Do không xác định được giá thị trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 nên Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ giảm giá của các chứng khoán chưa niêm yết này. Với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để ước tính giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cần trích lập của các chứng khoán chưa niêm yết cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014



Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		80.977.717.949	88.467.079.016
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	7.523.658.928	21.344.236.057
111	1. Tiền		7.523.658.928	21.344.236.057
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.746.171.300	14.780.113.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.782.372.100	14.782.372.100
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(36.200.800)	(2.258.200)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	46.399.538.020	35.877.934.364
131	1. Phải thu của khách hàng		300.000.000	300.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		22.638.385.174	22.638.385.174
138	5. Các khoản phải thu khác		39.313.104.733	22.570.720.322
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.851.951.887)	(9.631.171.132)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.308.349.701	16.464.794.695
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		213.000.006	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	48.491.693	48.491.693
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	12.046.858.002	16.416.303.002
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.125.148.628	35.377.010.305
220	II. Tài sản cố định		286.444.642	538.306.319
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	207.750.831	340.092.050
222	- Nguyên giá		3.930.336.468	3.930.336.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.722.585.637)	(3.590.244.418)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	78.693.811	198.214.269
228	- Nguyên giá		1.971.239.400	1.971.239.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.892.545.589)	(1.773.025.131)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	4.347.166.480	4.347.166.480
258	4. Đầu tư dài hạn khác		5.340.000.000	5.340.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(992.833.520)	(992.833.520)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.491.537.506	30.491.537.506
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	29.520.080.000	29.520.080.000
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	959.457.506	959.457.506
268	4. Tài sản dài hạn khác		12.000.000	12.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		116.102.866.577	123.844.089.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.252.796.942	1.914.554.140
310	I. Nợ ngắn hạn		2.252.796.942	1.914.554.140
312	2. Phải trả người bán		365.315.001	343.580.041
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	254.021.147	186.176.016
315	5. Phải trả người lao động		256.901.529	53.496.507
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	1.340.150.101	1.238.332.810
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		36.409.164	92.968.766
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		113.850.069.635	121.929.535.181
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	113.850.069.635	121.929.535.181
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.149.930.365)	(16.070.464.819)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		116.102.866.577	123.844.089.321

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký	26.219.940.000	33.639.930.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	25.243.730.000	26.713.220.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	133.040.000	33.680.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	25.110.290.000	26.679.140.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	400.000	400.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12.210.000	10.000.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	2.210.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	10.000.000	10.000.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	964.000.000	5.550.100.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	964.000.000	5.550.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	-	1.366.610.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	1.366.610.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	3.284.370.000	3.364.960.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	3.284.370.000	3.364.960.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	410.000	410.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.283.960.000	3.364.550.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	7.197.480.000	7.197.480.000


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	778.326.722	1.371.517.972
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		778.223.837	992.605.369
01.9	Doanh thu khác		102.885	378.912.603
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	778.326.722	1.371.517.972
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	1.233.570.074	2.840.314.982
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(455.243.352)	(1.468.797.010)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	7.447.711.194	1.610.810.010
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.902.954.546)	(3.079.607.020)
31	8. Thu nhập khác		38.489.000	-
32	9. Chi phí khác		215.000.000	-
40	10. Lợi nhuận khác		(176.511.000)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(585)	(223)


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		251.861.677	324.476.106
03	- Các khoản dự phòng		6.254.723.355	2.495.300
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(102.885)	(378.912.603)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.572.983.399)	(3.131.548.217)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(372.939.411)	(10.395.378.003)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		338.242.802	(179.770.636)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(213.000.006)	1.095.811.317
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	14.000.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.820.680.014)	1.389.114.461
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		102.885	378.912.603
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		102.885	378.912.603
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.820.577.129)	1.768.027.064
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		21.344.236.057	15.527.163.333
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>7.523.658.928</u>	<u>17.295.190.397</u>


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.070.464.819)	(8.079.465.546)	-	(24.149.930.365)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	121.929.535.181	(8.079.465.546)	-	113.850.069.635

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/13 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/13 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.183.685.161)	(3.079.607.020)	-	(5.263.292.181)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	135.816.314.839	(3.079.607.020)	-	132.736.707.819


 Nguyễn Thị Năm
 Người lập


 Nguyễn Tuyết Hạnh
 Kế toán trưởng


 Ronald Nguyễn Anh Đạt
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của người đầu tư	40.507.190	375.915.137.000
- Cổ phiếu	40.507.190	375.915.137.000
	40.507.190	375.915.137.000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.946.871.700	20.494.357.636
Tiền gửi ngân hàng	13.236.993	14.506.619
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	563.550.235	835.371.802
	7.523.658.928	21.344.236.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị tăng		Giảm so với giá trị tăng		Tổng giá trị theo giá trị tăng	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			14.782.372.100	14.782.372.100	13.838.000	8.851.400	(36.200.800)	(2.258.200)	14.760.009.300	14.788.965.300
Chứng khoán niêm yết			214.942.000	29.872.100	13.794.800	8.851.400	(35.319.300)	(2.258.200)	193.417.500	36.465.300
- BID ⁽¹⁾	10.000	-	186.000.000	-	-	-	(34.000.000)	-	152.000.000	-
- Các cổ phiếu lẻ			28.942.000	29.872.100	13.794.800	8.851.400	(1.319.300)	(2.258.200)	41.417.500	36.465.300
Chứng khoán Upcom			48.600	-	43.200	-	-	-	91.800	-
- Cổ phiếu lẻ			48.600	-	43.200	-	-	-	91.800	-
Chứng khoán chưa niêm yết			14.566.500.000	14.752.500.000	-	-	-	-	14.566.500.000	14.752.500.000
- Công ty CP Du lịch Huế ⁽²⁾	646.248	646.248	14.150.000.000	14.150.000.000	-	-	-	-	14.150.000.000	14.150.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh ⁽²⁾	73.500	73.500	416.500.000	416.500.000	-	-	-	-	416.500.000	416.500.000
- BID ⁽¹⁾	-	10.000	-	186.000.000	-	-	-	-	-	186.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết			881.500	-	-	-	(881.500)	-	-	-
- Các cổ phiếu lẻ			881.500	-	-	-	(881.500)	-	-	-
			14.782.372.100	14.782.372.100	13.838.000	8.851.400	(36.200.800)	(2.258.200)	14.760.009.300	14.788.965.300

Ghi chú:

(1): Kể từ ngày 24/01/2014, Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BID.

(2): Do không xác định được giá trị tăng tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ tăng/giảm giá trị trên số kế toán so với giá trị thị trường để làm căn cứ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

HÀ NỘI
TỔNG KẾ TOÁN
TỔNG KẾ TOÁN
TỔNG KẾ TOÁN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

	01/01/2014			Số phát sinh trong kỳ			30/06/2014			Tổng số dư phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
									VND	
Phải thu của khách hàng	300.000.000	-	300.000.000	-	-	300.000.000	-	300.000.000	(300.000.000)	
- Phải thu hoạt động khác	300.000.000	-	300.000.000	-	-	300.000.000	-	300.000.000	(300.000.000)	
Trả trước cho người bán	22.638.385.174	22.638.385.174	-	-	-	22.638.385.174	22.638.385.174	-	(11.319.192.587)	
- Trả trước tiền mua đất	22.638.385.174	22.638.385.174	-	-	-	22.638.385.174	22.638.385.174	-	(11.319.192.587)	
Các khoản phải thu khác	22.570.720.322	8.465.518.600	-	16.774.081.711	31.697.300	39.313.104.733	8.465.518.600	-	(4.232.759.300)	
- Phí môi giới chứng khoán	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	-	(650.000.000)	
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.165.518.600	7.165.518.600	-	-	-	7.165.518.600	7.165.518.600	-	(3.582.759.300)	
- Công ty Cổ phần Dầu tư	14.000.000.000	-	-	-	-	14.000.000.000	-	-	-	
- Thương mại Đông Triều	-	-	-	16.400.000.000	-	16.400.000.000	-	-	-	
- Phải thu tiền đặt cọc thuê nhà	105.201.722	-	-	374.081.711	31.697.300	447.586.133	-	-	-	
- Phải thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	45.509.105.496	31.103.903.774	300.000.000	16.774.081.711	31.697.300	62.251.489.907	31.103.903.774	300.000.000	(15.851.951.887)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	9.631.171.132	210.000.000
Trích lập/hoàn nhập	6.220.780.755	-
Tại ngày 30/06/2014	15.851.951.887	210.000.000

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	48.491.693	48.491.693
	48.491.693	48.491.693

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	46.858.002	16.303.002
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	12.000.000.000	16.400.000.000
	12.046.858.002	16.416.303.002

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	259.674.360	1.505.810.000	2.164.852.108	3.930.336.468
Giảm khác	(259.674.360)		259.674.360	-
Tại ngày 30/06/2014	-	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	259.674.360	1.239.156.159	2.091.413.899	3.590.244.418
Trích khấu hao	-	94.113.126	38.228.093	132.341.219
Giảm khác	(259.674.360)		259.674.360	-
Tại ngày 30/06/2014	-	1.333.269.285	2.389.316.352	3.722.585.637
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	-	266.653.841	73.438.209	340.092.050
Tại ngày 30/06/2014	-	172.540.715	35.210.116	207.750.831

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.248.212.801 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Trong 6 tháng đầu năm 2014, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch, chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình trong kỳ là 119.520.458 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

II . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)										
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	54.000	54.000	540.000.000	540.000.000	-	-	(992.833.520)	(992.833.520)	4.347.166.480	4.347.166.480
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	(991.650.055)	(991.650.055)	3.808.349.945	3.808.349.945
			5.340.000.000	5.340.000.000	-	-	(992.833.520)	(992.833.520)	4.347.166.480	4.347.166.480

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm 30/06/2014, các công ty này không thuộc đối tượng bắt buộc phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ nên mức trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư dài hạn được xác định dựa vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của các công ty này.

KIỂM
18
NG P
PH
ONG
4 -
A
G K
NH
111

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ (*)	29.520.080.000	29.520.080.000
	29.520.080.000	29.520.080.000

(*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo phụ lục hợp đồng ngày 01/06/2014, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng trong 6 tháng đầu năm 2014, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong kỳ.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	370.531.205	370.531.205
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	250.213.826	250.213.826
Số dư cuối kỳ	959.457.506	959.457.506

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân của Cán bộ Công nhân viên	122.159.534	60.422.080
Thuế Thu nhập cá nhân của Nhà đầu tư	131.861.613	125.753.936
	254.021.147	186.176.016

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	68.298.200	58.450.200
Bảo hiểm xã hội	554.366.582	424.128.582
Bảo hiểm y tế	157.205.861	137.261.861
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư (*)	358.879.639	592.791.178
Phải trả nhà đầu tư về lãi tiền gửi	36.399.819	23.857.922
Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.000.000	1.843.067
	1.340.150.101	1.238.332.810

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

- (*) Tiền của nhà đầu tư mở tài khoản để giao dịch chứng khoán
Cân đối tài sản và công nợ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán như sau:

	Số tiền
	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	563.550.235
Cộng tiền của nhà đầu tư	563.550.235
Phải trả nhà đầu tư tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán	358.879.639
Thuế Thu nhập cá nhân chưa nộp của nhà đầu tư	131.861.613
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	36.409.164
Phải trả nhà đầu tư về lãi tiền gửi không kỳ hạn chưa phân bổ	36.399.819
Cộng phải trả cho nhà đầu tư	563.550.235
Chênh lệch tiền và phải trả nhà đầu tư	-

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013			
Tại ngày 01/01/2013	138.000.000.000	(2.183.685.161)	135.816.314.839
Lỗi trong kỳ	-	(3.079.607.020)	(3.079.607.020)
Tại ngày 30/06/2013	138.000.000.000	(5.263.292.181)	132.736.707.819
6 tháng đầu năm 2014			
Tại ngày 01/01/2014	138.000.000.000	(16.070.464.819)	121.929.535.181
Lỗi trong kỳ	-	(8.079.465.546)	(8.079.465.546)
Tại ngày 30/06/2014	138.000.000.000	(24.149.930.365)	113.850.069.635

- b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	48,70%	67.206.000.000	48,70%	67.206.000.000
Bà Hoàng Ngân Hà	48,31%	66.662.000.000	48,31%	66.662.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2,99%	4.132.000.000	2,99%	4.132.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>138.000.000.000</i>	<i>138.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>138.000.000.000</i>	<i>138.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.800.000</i>	<i>13.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.800.000</i>	<i>13.800.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	778.326.722	1.371.517.972
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	778.223.837	992.605.369
- Doanh thu khác	102.885	378.912.603
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	778.326.722	1.371.517.972

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.199.627.474	2.840.314.982
Chi phí dự phòng	33.942.600	-
	1.233.570.074	2.840.314.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	955.510.952	540.038.142
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	9.490.136	81.763.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.917.744	123.608.252
Thuế, phí và lệ phí	23.706.332	-
Chi phí dự phòng	6.220.780.755	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.673.328	682.947.363
Chi phí khác bằng tiền	30.631.947	182.452.836
	7.447.711.194	1.610.810.010

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(48.491.693)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(48.491.693)	-

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(8.079.465.546)	(3.079.607.020)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(585)	(223)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.523.658.928	-	21.344.236.057	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	39.613.104.733	(4.532.759.300)	22.870.720.322	(2.839.655.580)
Đầu tư ngắn hạn	14.782.372.100	(36.200.800)	14.782.372.100	(2.258.200)
Đầu tư dài hạn	5.340.000.000	(992.833.520)	5.340.000.000	(992.833.520)
	67.259.135.761	(5.561.793.620)	64.337.328.479	(3.834.747.300)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải
trả khác

Giá trị sổ kế toán	
30/06/2014	01/01/2014
VND	VND
1.705.465.102	1.581.912.851
1.705.465.102	1.581.912.851

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.523.658.928	-	-	7.523.658.928
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	35.080.345.433	-	-	35.080.345.433
Đầu tư ngắn hạn	14.746.171.300	-	-	14.746.171.300
Đầu tư dài hạn	-	4.347.166.480	-	4.347.166.480
	57.350.175.661	4.347.166.480	-	61.697.342.141
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.344.236.057	-	-	21.344.236.057
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	20.031.064.742	-	-	20.031.064.742
Đầu tư ngắn hạn	14.780.113.900	-	-	14.780.113.900
Đầu tư dài hạn	-	4.347.166.480	-	4.347.166.480
	56.155.414.699	4.347.166.480	-	60.502.581.179

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	1.705.465.102	-	-	1.705.465.102
	<u>1.705.465.102</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.705.465.102</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	1.581.912.851	-	-	1.581.912.851
	<u>1.581.912.851</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.581.912.851</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền phí môi giới chứng khoán			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín (*)		1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu			
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín (*)		7.165.518.600	7.165.518.600
Số dư đầu tư góp vốn			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội (*)		540.000.000	540.000.000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tín (*)		4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty TNHH Đất Việt Nam (*)		16.400.000.000	-

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đồng thời là chủ tịch các công ty này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành	72.000.000	18.130.111

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014